

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 08 – 2022.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12/4/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Thanh L, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Phan Thanh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 20/01/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng hay uống rượu không kiểm soát được lời nói và hành vi, vào năm 2019 ông L đã dùng dao chém bà Đ, bà Đ nhận thấy không an toàn khi sống cùng ông L, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đã làm đơn khởi kiện với nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phan Thanh L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Đ và ông L có 02 con chung là Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004 và Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006. Nguyện vọng của bà Đ xin được nuôi dưỡng con chung là Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung là Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004, đã trên 18 tuổi, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ông Phan Thanh L trình bày: Về hôn nhân: Tôi và bà Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng thời gian gần đây không hiểu lý do vì sao bà Đ nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Nay bà Đ xét thấy không còn tình cảm với tôi nữa thì tôi đồng ý ly hôn với bà Đ; Về con chung có 02 con chung là Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004 và Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006.

Hiện nay các con chung đã lớn, cũng đủ nhận thức nên quyết định ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các con; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên do các đương sự tham gia không đầy đủ nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, không tranh luận gì thêm.

- Bị đơn ông Phan Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Thanh L mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp và hòa giải là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ; Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Thanh L; Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006 cho bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết; Riêng con chung là Phan

Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu, do đó không đề cập để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu do đó không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, lập ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Phan Thanh L, cư trú tại **Tổ 2, thị trấn N, huyện K**, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Thanh L hiện đang cư trú tại **Tổ 2, thị trấn N, huyện K**, ông L đã biết việc bà Đ khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với ông tại Tòa án nhân dân huyện K và có nguyện vọng đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ. Ông Phan Thanh L có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Thanh L.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Thanh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/01/2003 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không còn tình cảm yêu thương nhau

và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, nên bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Phan Thanh L; đối với ông Phan Thanh L đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Thanh L do bất đồng về quan điểm sống nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông Phan Thanh L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Phan Thanh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Đ, ông L có 02 con chung là Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004 và Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Đ có nguyện vọng xin được nuôi con chung Phan Nguyễn Quang N và ý kiến ông Phan Thanh L về con chung là tùy vào quyết định của các con chung. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Đ phù hợp với nguyện vọng của con chung, Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng con chung Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự đều không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Phan Thanh L.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Nguyễn Quang N, sinh ngày 19/9/2006 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Riêng con chung là Phan Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 15/02/2004, đã trên 18 tuổi, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Phan Thanh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, tuy nhiên ông Phan Thanh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0006007, ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Phan Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai